TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23/7/2019
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cọt;

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hồng X, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 206/15 Tổ 3, khu vực T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Châu Văn T, sinh năm 1979; nơi cư trú cuối cùng: Nhà không số, ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 04/01/2019 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Phan Thị Hồng X trình bày:

Năm 1998, chị X kết hôn với anh Châu Văn T và được Ủy ban nhân dân xã T (Nay là phường T, quận B, thành phố Cần Thơ) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2000. Từ năm 2009, vợ chồng sống chung tại ấp L, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị X với anh T đã có 02 con chung là cháu Châu Hồng Nhã T (Nữ), sinh ngày 18/4/2000 và Châu Hồng Nhã P (Nữ), sinh ngày 05/10/2004. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, công việc làm ăn thua lỗ nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, không còn hạnh phúc nữa. Vào tháng 9/2015, anh T đã tự ý bỏ nhà ra đi đến nay; từ năm 2016, chị X đã cùng với cháu T và cháu P chuyển về sinh sống tại số nhà 206/15 Tổ 3, khu vực T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ và vợ chồng không còn sống chung với nhau. Chị X chỉ biết nơi cư trú cuối cùng của anh T tại địa chỉ nêu trên, không có tin tức gì thêm về anh T nên đã yêu cầu và được Tòa án nhân dân thị xã V tuyên bố anh T mất tích tại Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 24/8/2018. Nay, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Do cháu Châu Hồng Nhã T đã trưởng thành, có khả năng lao động nên chị X không yêu cầu giải quyết quyền nuôi con. Đối với cháu Châu Hồng Nhã P, có nguyện vọng được sống cùng mẹ; chị X là giáo viên, có thu nhập ổn định từ lương đảm bảo cuộc sống nên yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung: Đã giải quyết tại Bản án số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu nên không yêu cầu xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Chứng cứ do chị X giao nộp gồm: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục kết hôn; Giấy khai sinh của cháu Châu Hồng Nhã T, Châu Hồng Nhã P và Bản tự khai của cháu T, cháu P; Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 24/8/2018, Bản án số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã V (BL 02 - 19).

- Đối với bị đơn Châu Văn T:

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị X nhưng anh T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình.

Anh T còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh T và đưa vụ án ra xét xử.

Phiên tòa ngày 03/7/2019, bị đơn T vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về nơi cư trú; tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, nguyện vọng và điều kiện của các đương sự cũng như tình trạng phát triển của cháu Châu Hồng Nhã T, Châu Hồng Nhã P (BL 40, 41).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Hồng X, cho chị X ly hôn với anh Châu Văn T; giao cho chị X được nuôi dưỡng con chung, anh T không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị X khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh T và giải quyết quyền nuôi con chung; yêu cầu này của chị X được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình). Anh T có nơi cư trú cuối cùng tại xã L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 24/8/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu có hiệu lực pháp luật, đã tuyên bố anh Châu Văn T mất tích nên Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án.

- Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục kết hôn, Giấy khai sinh của cháu T và cháu P cũng như việc không phản đối của anh T và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Phan Thị Hồng X về việc kết hôn với anh Châu Văn T, được Ủy ban nhân dân phường A cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2000 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị X và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội mà chỉ vì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nhưng chị X với anh T đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau nuôi dạy con chung, không chia sẻ với nhau và thực hiện công việc gia đình, không còn liên lạc với nhau nên chị X với anh T đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân của các đương sự đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị X ly hôn với anh T.

- Tại thời điểm xét xử vụ án, cháu Châu Hồng Nhã T đã thành niên và có khả năng lao động, chị X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết quyền nuôi dưỡng cháu T. Riêng cháu Châu Hồng Nhã P đã trên 07 tuổi, được Ủy ban nhân dân phường A chứng thực Bản tự khai với nội dung trình bày đang học tập ổn định, phát triển bình thường về thể chất cũng như trí tuệ và có nguyện vọng sống với chị X (BL 12); đồng thời, chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét, việc bày tỏ ý chí của cháu P là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc; chị X có thu nhập ổn định, đảm bảo cuộc sống và có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ các con phát triển phù hợp theo giới tính.

Vì vậy, cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng cháu P; đồng thời, ghi nhận ý chí tự nguyện của chị X về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

- Nguyên đơn Phan Thị Hồng X tiếp tục yêu cầu không giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung. Yêu cầu này của chị X phù hợp với tài liệu, chứng cứ là Bản án có hiệu lực pháp luật số 07/2018/HNGĐ-ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị X phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Hồng X được ly hôn với anh Châu Văn T.

2. Về quyền nuôi con chung:

Giao cho chị Phan Thị Hồng X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Châu Hồng Nhã P (Nữ), sinh ngày 05/10/2004. Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị X, anh Châu Văn T không phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian chị X nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu P, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Hồng X tiếp tục yêu cầu không giải quyết phân chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Phan Thị Hồng X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0004069 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị Phan Thị Hồng X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Phan Thị Hồng X có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Châu Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường A, quận B;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG